

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29/4/2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **29/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày **25/3/2021**, Quyết định hoãn phiên tòa số: **33A/2021/QĐST-HNGĐ** ngày **12/4/2021**, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H - Sinh năm 1996. Xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Dương Văn T- Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Chị Vũ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T tìm hiểu và yêu nhau khi anh T đang lao động ở Nhật Bản. Sau đó tháng 4/2014 anh T về Việt Nam nghỉ phép thăm gia đình đến tháng 01/2015. Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang và tổ

chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu và sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Anh T ở nhà chung sống với chị được 01 tuần thì sau đó lại phải sang Nhật Bản lao động tiếp. Khi sang Nhật Bản ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó ít dần. Nguyên nhân là giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh chị không hợp nhau, sống xa nhau không hiểu và thông cảm cho nhau và thường xuyên cãi nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay. Hiện nay anh chị đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Dương Văn T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Dương Văn T.

- Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân là bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970 (là mẹ đẻ của anh Dương Văn T), bà H có quan điểm trình bày như sau: Bà là mẹ đẻ của anh Dương Văn T có địa chỉ như trên. Hiện nay anh T đang đi lao động tại Nhật Bản nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình thông qua mạng xã hội. Về địa chỉ của anh T ở bên nước ngoài thì bà không biết và không cung cấp cho Tòa án. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để anh Dương Văn T gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình bà từ chối thực hiện. Về việc Chị Vũ Thị H làm đơn xin ly hôn thì anh Dương Văn T có quan điểm là:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo như anh Dương Văn T cung cấp thì anh Dương Văn T và Chị Vũ Thị H không có mâu thuẫn gì. Anh T không đồng ý ly hôn với chị H. Hiện nay do dịch bệnh nên anh T không thể về nước được nên đề nghị sau này về thì mới giải quyết.

- Về con chung: Anh Dương Văn T và Chị Vũ Thị H không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T hiện nay đang ở Nhật Bản không có nhà nên đề nghị sau khi về nước thì mới giải quyết, hiện không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Vũ Thị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Dương Văn T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý

vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Dương Văn T. Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với anh Dương Văn T. Bị đơn là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn De, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 24706/QLXNC- P5 ngày 28/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Dương Văn T đã xuất cảnh ra nước lần gần nhất là ngày 25/08/2015 chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Dương Văn T. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa Chị Vũ Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Dương Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Dương Văn T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn T theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết

vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn T và Chị Vũ Thị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo như Chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Dương Văn T tìm hiểu và yêu nhau khi anh T đang lao động ở Nhật Bản. Sau đó tháng 4/2014 anh T về Việt Nam nghỉ phép thăm gia đình đến tháng 01/2015. Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị H về nhà chồng làm dâu và sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Anh T ở nhà chung sống với chị được 01 tuần thì sau đó lại phải sang Nhật Bản lao động tiếp. Khi sang Nhật Bản ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó ít dần. Nguyên nhân là giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh chị không hợp nhau, sống xa nhau không hiểu và thông cảm cho nhau và thường xuyên cãi nhau. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh T. Thông qua người thân anh T trình bày vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị đợi anh về nước mới giải quyết. Tuy nhiên chị H không đồng ý đợi anh T về nước, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Vũ Thị H và anh Dương Văn T là hợp pháp. Hiện nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả Chị Vũ Thị H và anh Dương Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Vũ Thị H và anh Dương Văn T được xác định đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Dương Văn T.

[4]. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Dương Văn T không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ):

- Chị Vũ Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Anh Dương Văn T không có yêu cầu gì về tài sản nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau này có tranh chấp các bên liên quan có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000865 ngày 12/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Dương Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Vũ Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã N, huyện L.
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng

